TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HSST
Ngày 19 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Chúc và bà Nguyễn Thị Chang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST-QĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 152/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn B, sinh ngày 07/10/1990; Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H; chỗ ở: thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Đặng Xuân K và bà: Bùi Thị P; Có vợ: Nguyễn Thị P1; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2017, con nhỏ 2019. Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022, đến ngày 06/01/2023 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Dương Văn Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh T; (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995; trú tại: thôn L, xã TL, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn LT, xã L, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

- Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh H.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn L, sinh năm 1960, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 11 giờ ngày 28/12/2022, tại cửa hàng đồ câu HL tại thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh H, do Đặng Văn B làm chủ. Công an huyện Y kiểm tra, phát hiện B đang có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với anh Trần Văn H1. B và anh H1 đều thừa nhận: Ngày 07/9/2022, B đã cho anh H1 vay số tiền 10.000.000đồng với lãi suất 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận trả lãi theo tháng. Trước khi anh H1 nhận tiền vay, B cắt lãi trước một tháng tiền lãi với số tiền là 1.500.000đồng. Đến ngày 28/12/2022, anh H1 đến cửa hàng đồ câu HL trả cho B số tiền lãi là 3.500.000 đồng thì bị lực lượng Công an huyện Y phát hiện lập biên bản. Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 3.500.000 đồng; 11 giấy vay tiền, giấy bán xe; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn H1; 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 011512 đối với xe môtô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, BKS: 89F1-230.17, do Công an thị xã M cấp ngày 16/6/2016; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 001804 đối với xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 89M1-037.57, do Công an huyện Y cấp ngày 09/9/2011; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 359235063380959, bên trong lắp 01 sim nhãn hiệu Mobifone.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành khám xét khẩn cấp tại cửa hàng đồ câu HL thuộc thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh H nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan. Cùng ngày, Đặng Văn B đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú và khai nhận: Qua việc kinh doanh cửa hàng đồ câu HL do B làm chủ tại thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh H, B nắm bắt được nhiều người có nhu cầu vay tiền. Vì muốn thu lời bất chính, B đã nảy sinh ý định cho mọi người vay tiền với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật. B mở tài khoản số1021000014804 tại Ngân hàng Vietcombank, đồng thời B sử dụng điện thoại Iphone 6, màu vàng có số thuê bao 0901.138.386 đăng ký sử dụng dịch vụ Intenet Banking Vietcombank để giao dịch tiền với người vay và thu lãi hàng tháng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2021 đến ngày 24/12/2022, B đã sử dụng tổng số tiền 220.000.000 đồng cho 08 người vay tiền, với 11 khoản vay 3.000đồng đến 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày (viết tắt là 3.000đ - 5.000đ) tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày - 109,5%/ năm cao hơn 5,48 lần và 0,5%/1 ngày - 182,5%/1 năm, cao hơn 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm). Cụ thể như sau:

1. Ngày 17/6/2021, B cho anh Nguyễn Văn N vay số tiền 30.000.000 đồng. lãi suất là 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, trả lãi theo tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất trả bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0341006899420 của anh N ngân hàng Vietcombank cho B theo số tài khoản 1021000014804 tại ngân hàng Vietcombank hoặc trả lãi trực tiếp cho B. Khi vay tiền anh N đã viết giấy vay đưa cho B giữ và không phải cầm cố thế chấp tài sản gì. Đến ngày 28/12/2022, theo thỏa thuận thì anh N phải trả cho B 18 tháng 12 ngày tiền lãi (đương tương với 560 ngày), với số tiền là 49.680.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế anh N mới trả cho B 18 tháng tiền lãi với số tiền là 48.600.000 đồng (trong đó có 9. 205.476 đồng tiền lãi theo quy định và 39.394.524 đồng tiền lãi thu vượt quá). Số tiền gốc 30.000.000đồng anh N chưa trả cho B.

2. Ngày 26/9/2021, B cho anh Đỗ Xuân H vay số tiền 25.000.000đ lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, trả lãi theo tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, tiền lãi trả theo các hình thức cắt lãi trước, trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản từ số tài khoản 0591000195765 tại ngân hàng Vietcombank của anh H đến số tài khoản của B. Khi vay tiền, anh H viết 01 giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, BKS: 89F1-230.17 nhưng B chỉ giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, còn xe anh H vẫn sử dụng. Sau khi B cắt lãi số tiền 3.750.000 đồng/1 tháng thì B chuyển khoản từ tài khoản của B đến tài khoản trên của anh H số tiền 21.250.000 đồng. Đến ngày 28/12/2022, theo thỏa thuận anh H phải trả B thêm 15 tháng tiền lãi, với số tiền 56.250.000 đồng; nhưng thực tế anh H

mới trả thêm cho B số tiền lãi là 34.450.000 đồng. Như vậy số tiền lãi anh H phải trả cho B theo thỏa thuận tính đến ngày 06/01/2023 (tương đương 488 ngày) là 60.000.000 đồng nhưng anh H mới trả B số tiền lãi là 38.200.000đ (trong đó có 6.664.929 đồng tiền lãi theo quy định và 31.515.071đồng lãi thu vượt quá). Số tiền gốc 25.000.000đồng, anh H chưa trả cho B.

3. Ngày 10/11/2021, B cho anh Dương Văn Ph vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, trả lãi theo tháng bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả trực tiếp. Khi vay tiền, anh Ph không phải viết giấy vay tiền và không phải cầm cố hay thế chấp tài sản gì, sau khi nhận tiền anh Ph trả luôn tiền lãi 3 tháng cho B với số tiền 13.500.000 đồng. Đến ngày 10/3/2022, anh Ph và B thỏa thuận giảm mức lãi suất còn 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Đến ngày 28/12/2022, anh Ph phải trả B thêm 10 tháng 19 ngày tiền lãi, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày là 28.710.000 đồng nhưng anh Ph mới trả thêm cho B 10 tháng tiền lãi với số tiền 27.000.000 đồng. Như vậy số tiền thỏa thuận B sẽ thu là 42.210.000 đồng (tương đương 414 ngày), anh Ph mới trả cho B 40.500.000đồng. (trong đó tiền lãi theo quy định là 6.805.477 đồng, vượt quy định đã thu là 33.694.523 đồng). Số tiền gốc 30.000.000 đồng anh Ph chưa trả B.

4. Ngày 21/02/2022, B cho anh anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, trả lãi theo tháng, bằng hình thức chuyển khoản. Trước khi vay tiền, anh Đ viết 01 giấy bán xe nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, BKS: 89F1-185.41 của mình và đưa giấy bán xe này cùng 01 bản photo căn cước công dân của anh Đ cho B giữ. Sau đó, B chuyển khoản cho anh Đ vay số tiền 20.000.000đồng. Đến ngày 21/05/2022, anh Đ đã trả B 03 tháng (tương đương 90 ngày) tiền lãi, với số tiền 9.000.000đồng. (trong đó tiền lãi theo quy định là 986.301đồng, lãi thu vượt quy định là 8.013.699đồng). Số tiền gốc 20.000.000đồng, anh Đ đã trả cho B.

5. Ngày 05/3/2022, B cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày, trả lãi theo tháng. Trước khi nhận tiền B đã cắt lãi 3.000.000 đồng và chỉ đưa cho anh T số tiền 17.000.000 đồng tiền mặt. Anh T có viết giấy vay tiền đưa B giữ, anh T không phải cầm cố hay thế chấp tài sản gì. Anh T vay của B từ ngày 05/3/2022 đến ngày 05/4/2022 là 32 ngày, lãi đã thu 3.000.000 đồng (trong đó tiền lãi theo quy định là 350.685đồng, tiền lãi vượt quy định là 2.694.315 đồng), ngày 05/4/2022 anh T đã trả cho B số tiền gốc 20.000.000 đồng.

- Ngày 24/7/2022, B cho anh T vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất như ngày 05/3/2022. Cắt lãi trước một tháng là 3.000.000đồng, B đưa cho anh T số tiền 17.000.000 đồng, anh T viết 01 giấy vay tiền đưa B giữ, anh T không phải cầm cố hay thế chấp tài sản gì. Theo quy định số tiền lãi hợp pháp

được phép thu là 350.685đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.694.315 đồng. Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng, ngày 24/8/2022 anh T đã trả cho B.

6. Ngày 10/5/2022, B cho anh Hoàng Văn T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, trả lãi theo tháng, cắt lãi trước 01 tháng là 3.000.000 đồng, trả lãi bằng hình thức chuyển khoản, khi vay không viết giấy tờ, không phải cầm cố hay thế chấp tài sản gì. Ngày 28/12/2022, anh T1 đã trả thêm cho B 07 tháng tiền lãi (tính đến hết ngày 09/01/2023), với số tiền 21.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi B đã thu được của anh T1 là 245 ngày = 24.000.000 đồng (trong đó lãi theo quy định là 2.684.931đồng, tiền lãi vượt quy định là 21.315.070đồng).

Ngày 25/6/2022, B cho anh T1 vay thêm số tiền 5.000.000đồng, và B cắt lãi trước 1 tháng là 750.000 đồng, còn đưa lại anh T1 số tiền 4.250.000 đồng, tính đến ngày 25/01/2023 anh T1 phải trả lãi B là 215 ngày = 5.250.000 đồng, anh T1 mới trả B số tiền lãi là 4.500.000 đồng (trong đó số tiền lãi thu theo quy định là 589.041đồng, số tiền vượt quy định là 3.910.959 đồng). Cả hai khoản vay này anh T1 chưa trả cho B tiền gốc.

7. Ngày 07/9/2022, B cho anh Trần Văn H1 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, trả lãi theo tháng, cắt lãi trước một tháng, hàng tháng anh H1 trả tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt. Khi vay tiền anh H1 viết 01 giấy vay tiền và để lại 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn H1 đưa cho B giữ. Sau khi cắt lãi 01 tháng là 1.500.000 đồng/1 tháng, B đưa cho anh H1 số tiền 8.500.000 đồng. Đến ngày 07/10/2022, anh H1 chuyển khoản trả B số tiền 1.000.000 đồng tiền lãi của tháng 10/2022 và anh H1 còn nợ lại 500.000 đồng tiền lãi. Đến trưa ngày 28/12/2022, anh H1 đến đưa cho B số tiền 3.500.000 đồng tiền lãi mà anh H1 còn nợ của B vào tháng 10/2022, tháng 11/2022, tháng 12/2022. Khi anh H1 vừa trả tiền lãi cho B xong thì lực lượng Công an vào kiểm tra, phát hiện. Như vậy tổng số tiền lãi B đã thu của anh H1 123 ngày = 6.000.000 đồng (trong đó số tiền lãi thu theo quy định là 673.972 đồng, số tiền thu vượt quy định là 5.326.028 đồng). Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh H1 chưa trả cho B.

8. Ngày 14/9/2022, B cho anh Phạm Văn T2 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, trả lãi theo tháng, cắt lãi trước một tháng là 4.500.000 đồng, số tiền còn lại 25.500.000 đồng B đưa cho anh T2, hàng tháng anh T2 trả tiền lãi trực tiếp cho B. Khi vay tiền anh T2 viết 01 giấy vay tiền đưa cho B giữ, anh T2 không phải cầm cố hay thế chấp tài sản gì. Số tiền lãi B thu của anh T2 từ ngày 14/9/2022 đến ngày 14/10/2022 là 31 ngày = 4.500.000 đồng (trong đó số tiền lãi thu theo quy định 509.589 đồng, số tiền thu vượt quy định là 3.990.411 đồng). Anh T2 đã trả cho B số tiền gốc 30.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2022, B cho anh T2 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất và cách thức trả lãi như trên, anh T2 viết 01 giấy vay tiền, 01 giấy bán xe và để lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 89M1-037.57 cho B giữ. B cắt trước một tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng và chuyển khoản cho anh T2 số tiền 8.500.000 đồng. Số tiền lãi B thu của anh T2 từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/01/2023 là 32 ngày = 1.500.000 đồng (trong đó số tiền lãi thu theo quy định 175.342 đồng, số tiền thu vượt quy định là 1.324.658 đồng). Anh T2 chưa trả cho B số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 102/KL-KTHS ngày 27/2/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các hợp đồng vay tiền đứng tên Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Xuân H, Trần Văn H1, Phạm Văn T2, là chữ ký, chữ viết của anh N, anh Đ, anh H, anh H1, anh T2 viết ra.

Về vật chứng thu giữ: Số tiền 3.500.000 đồng, hiện nay đang trong tài khoản tạm gửi của Công an huyện Y tại Kho bạc Nhà nước Y, tỉnh H.

Đối với 11 giấy vay tiền, giấy bán xe; 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 011512 đối với xe môtô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển kiểm soát: 89F1-230.17, do Công an thị xã M cấp ngày 16/6/2016; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số: 001804 đối với xe môtô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 89M1-037.57, do Công an huyện Y cấp ngày 09/9/2011 được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 359235063380959, bên trong lắp 01 sim nhãn hiệu mobiphone, B dùng để chuyển tiền, nhận tiền của người vay. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Công an huyện Y.

Đối với 01 Căn cước công mang tên Trần Văn H1 là giấy tờ của anh H1 để lại khi vay tiền của B. Ngày 14/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại anh H1 căn cước công dân trên.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền B thu lợi bất chính của các anh: Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân H, Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn T1, Trần Văn H1, Phạm Văn T2, những người trên đều khai họ tự nguyện vay tiền của B với lãi suất như trên nên không yêu cầu B phải trả lại.

Đối với 01 giấy vay tiền đề ngày 09/10/2022 của anh Nguyễn Văn T với số tiền 10.000.000đồng lãi xuất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Theo B và anh T khai nhận lúc đầu B đồng ý cho anh T vay số tiền trên và yêu cầu anh T viết giấy, nhưng khi viết giấy xong thì B không cho anh T vay nữa vì sợ anh T không có tiền trả. Do giao dịch vay tiền trên chưa hoàn thành nên không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra, Đặng Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 63/QĐ-VKS-YM ngày 25/5/2023 của Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ đã truy tố Đặng Văn B, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo B khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với khoản tiền gốc tổng số 220.000.000 đồng B sử dụng để cho 08 người vay tiền, tuy nhiên có người đã trả bị cáo, có những người vay chưa trả bị cáo cụ thể anh Nguyễn Văn N đã trả bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ đã trả bị cáo số tiền 20.000.000đồng; anh Nguyễn Văn T đã trả bị cáo số tiền 40.000.000đồng; anh Phạm Văn T2 đã trả bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000đồng, anh Đỗ Xuân H còn nợ bị cáo số tiền 25.000.000đ; anh Dương Văn Ph còn nợ bị cáo số tiền 30.000.000, anh Hoàng Văn T1 còn nợ bị cáo số tiền 25.000.000 đồng, anh Trần Văn H1 còn nợ bị cáo số tiền 10.000.000 đồng; anh Phạm Văn T2 còn nợ bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi thu vượt quy định thì bị cáo đã trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 8.013.699 đồng; trả anh Nguyễn Văn N số tiền 39.394.524 đồng; trả anh Trần Văn H1 số tiền 5.326.028 đồng; trả anh Phạm Văn T2 số tiền 5.315.069 đồng; trả anh Hoàng Văn T1 số tiền 25.976.029 đồng; trả anh Dương Văn Ph số tiền 33.694.523 đồng, trả anh Nguyễn Văn T số tiền 5.388.630 đồng; trả anh Đỗ Văn Hà số tiền 31.515.071 đồng.

Bị cáo B xác định số tiền 60.000.000đồng bị cáo tự nguyện nộp trước xét xử là tiền bị cáo nộp để khắc phục một phần hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo và quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn B phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn B từ 230 đến 260 triệu đồng. Hình phạt bổ sung: Vì hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Đặng Văn B tổng số tiền 119.016.427 đồng được đối trừ số tiền 3.500.000đồng đã thu giữ của bị cáo và số tiền 60.000.000đồng bị cáo đã tự nguyện nộp trước xét xử theo Biên lai thu tiền số 0005573 ngày 17/7/2023, bị cáo còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 55.516.000đồng.

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 đồng, của anh Đỗ Xuân H số tiền 25.000.000 đồng, của anh Dương Văn Ph số tiền 30.000.000 đồng, của anh Hoàng Văn T1 số tiền 25.000.000 đồng, của anh Trần Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng, của anh Phạm Văn T2 số tiền 10.000.000 đồng.

Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 359235063380959, đã thu giữ của bị cáo B. Cho tiêu hủy 01 sim nhãn hiệu mobiphone lắp bên trong điện thoại.

Đề nghị cho lưu tại hồ sơ vụ án 11 giấy vay tiền, 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ;

Trả lại anh Đỗ Văn Hà 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 011512 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển kiểm soát: 89F1-230.17, do Công an thị xã M cấp ngày 16/6/2016;

Trả lại anh Phạm Văn T2 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001804 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 89M1-037.57.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền B thu lợi bất chính của các anh: Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân H, Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn T1, Trần Văn H1, Phạm Văn T2. Tổng số tiền là: 154.533.573 đồng, những người này đã nhận lại số tiền do bị cáo B trả và không yêu cầu đề nghị gì nên đề nghị HĐXX không xem xét xử lý đối với số tiền này.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm, trước khi mở phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xác định rõ yêu cầu của họ nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2021 đến ngày 24/12/2022 tại cửa hàng đồ câu HL của Đặng Văn B ở thôn TH, xã T, B đã sử dụng tổng số tiền 220.000.000 đồng cho 08 người vay gồm: anh Nguyễn Văn N vay 30.000.000 đồng; cho anh Đỗ Xuân H vay 25.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Văn Đ vay 20.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Văn T vay 40.000.000 đồng; cho anh Hoàng Văn T1 vay 25.000.000 đồng; cho anh Trần Văn H1 vay 10.000.000 đồng và cho anh Trần Văn Trí vay 40.000.000 đồng với lãi xuất 3.000đồng đến 5.000đồng/1.000.000 đồng/ ngày tương đương với mức lãi suất 0,3%/1 ngày - 109,5%/ năm cao hơn 5,48 lần và 0,5%/1 ngày - 182,5%/1 năm, cao hơn 9,125 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm). Tổng số tiền lãi B sẽ thu được theo thỏa thuận là 208.140.000 đồng, tổng số tiền lãi B đã thu là 183.550.000 đồng. Trong đó, tiền lãi thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 154.533.573 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc cho vay mức lãi suất cao gấp 9,125 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đã thu lợi bất chính được số tiền là 154.533.573 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo B đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của một số người để cho vay với mức lãi suất cao hơn 9 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu lợi, không những xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích của người đi vay mà

còn xâm phạm đến tình hình an ninh, chính trị, xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú, tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, có đơn xin hưởng hình phạt tiền được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, bị cáo có bố đẻ là ông Đặng Xuân K tham gia chiến đấu, phục vụ bảo vệ biên giới Vị Xuyên, Hà Tuyên được nhận Kỷ niệm chương và có ông nội là ông Đặng Xuân H1 tham gia phục vụ Quân đội Nhân dân Việt Nam được thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ những phân tích trên căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có điều kiện về kinh tế, phạm tội vì mục đích lợi nhuận kinh tế nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự

Đối với số tiền 3.500.000 đồng đã thu giữ là tiền bị cáo thu lãi của anh H1 trong đó có cả lãi theo quy định đã được tính trong tổng số lãi thu theo quy định và bị truy thu, số tiền lãi thu vượt quy định, bị cáo B đã trả lại anh H1, anh H1 không có yêu cầu đề nghị gì, nên số tiền này sẽ được đối trừ với tổng số tiền truy thu của bị cáo B.

Đối với số tiền 220.000.000 đồng B đã sử dụng để cho 08 người vay đây là công cụ, phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi cho phép theo quy định là 29.016.427 đồng tiền thu lợi từ việc phạm tội mà có nên cần truy thu nộp Ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 220.000.000 đồng bị cáo đã cho vay, có những người đã trả bị cáo, thì sẽ truy thu từ bị cáo B số tiền đó, còn một số người vay chưa trả bị cáo B nên không buộc những người vay này phải trả lại cho bị cáo B số tiền đã vay mà sẽ truy thu của những người vay để nộp vào Ngân sách Nhà nước cụ thể:

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của bị cáo Đặng Văn B số tiền đã sử dụng để cho vay là 90.000.000 đồng và số tiền lãi thu theo quy định là 29.016.427 đồng. Tổng số tiền 119.016.427 đồng được đối trừ số tiền 3.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo và số tiền 60.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp trước xét xử theo Biên lai thu tiền số 0005573 ngày 17/7/2023, bị cáo còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 55.516.427 đồng.

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H số tiền 30.000.000 đồng, của anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh H số tiền 25.000.000 đồng, của anh Dương Văn Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh T số tiền 30.000.000 đồng, của anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn LT, xã L, huyện Y, tỉnh H số tiền 25.000.000 đồng, của anh Trần Văn H1, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H số tiền 10.000.000 đồng, của anh Phạm Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh H số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền B thu lợi bất chính của các anh: Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân H, Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn T1, Trần Văn H1, Phạm Văn T2. Tổng số tiền là: 154.533.573 đồng, các anh N, H, Ph, Đ, T, T1, H1, T2 đã có đơn đề nghị gửi đến Tòa án xác định đã nhận lại số tiền bị cáo thu vượt quy định của các anh và đều không yêu cầu đề nghị gì, tại phiên tòa bị cáo B cũng thừa nhận đã trả đủ tổng số tiền thu vượt quy định là 154.533.573 đồng cho những người trên nên HĐXX không xem xét xử lý đối với số tiền này.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 359235063380959, bên trong lắp 01 sim nhãn hiệu mobiphone, B dùng để chuyển tiền, nhận tiền của người vay là công cụ, phương tiện để bị cáo phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước. Cho tiêu hủy sim số lắp trong điện thoại.

Đối với 11 giấy vay tiền liên quan đến tội phạm và 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ, hiện được đánh bút lục và lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục cho lưu tại hồ sơ vụ án;

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 011512 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển kiểm soát: 89F1-230.17, do Công an thị xã M cấp ngày 16/6/2016 là của anh Đỗ Văn Hà; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001804 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 89M1-037.57 là của anh Phạm Văn T2, là giấy tờ anh T2 và anh H để lại khi vay nên cần trả lại cho anh H và anh T2.

Đối với 01 Căn cước công mang tên Trần Văn H1 là giấy tờ của anh H1 để lại khi vay tiền của B. Ngày 14/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại anh H1 căn cước công dân trên là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng pháp luật: khoản 2 Điều 201; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn B phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Văn B số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của bị cáo Đặng Văn B tổng số tiền 119.016.427 đồng (một trăm mươi chín triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng) được đối trừ số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo và số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp trước xét xử theo Biên lai thu tiền số 0005573 ngày 17/7/2023, bị cáo còn phải nộp số tiền 55.516.427 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm mười sáu nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Dương Văn Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn LT, xã L, huyện Y, tỉnh H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Trần Văn H1, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Truy thu nộp Ngân sách nhà nước của anh Phạm Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về vật chứng:

Tịch thu phát mại sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 359235063380959, đã thu giữ của bị cáo B. Cho tiêu hủy 01 sim nhãn hiệu mobiphone lắp bên trong điện thoại.

Lưu tại hồ sơ vụ án 11 giấy vay tiền, 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ;

Trả lại anh Đỗ Văn Hà 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 011512 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu xám - đen, biển kiểm soát: 89F1-230.17, do Công an thị xã M cấp ngày 16/6/2016;

Trả lại anh Phạm Văn T2 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001804 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát: 89M1-037.57.

(Số tiền hiện đang tạm giữ tại số tài khoản 3949.0.1051466.00000 tại Kho bạc Nhà nước Yên Mỹ; Đặc điểm chi tiết của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30/6/2023 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

6. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Cơ quan CSĐT, THAHS- Công an huyện Y.
- Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên